

Phụ lục 02

**QUY ĐỊNH BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2026-2030**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
1	Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	1.1. Tỷ lệ thôn, bản có hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao (cáp quang, 4G/5G)	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cố định, đảm bảo nhu cầu sử dụng	≥ 95%		
		1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (nhà hoá thôn, điểm du lịch cộng đồng,...) có điểm truy nhập wifi miễn phí; tốc độ tối thiểu 300Mbps hoặc được phủ sóng thông tin di động 5G	100%		
		1.4. Tỷ lệ đường trục chính được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có chế độ điều chỉnh thông minh	≥ 80%		
		1.5. Tỷ lệ đường liên thôn được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo, có chế độ điều chỉnh thông minh	≥ 40%		
		1.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	≥ 30%		
		2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoặc kinh tế số nông thôn do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp vận hành (Khuyến khích mô hình có sự tham gia của thanh niên và phụ nữ)	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
2	Có mô hình nông nghiệp thông minh, phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.2. Tỷ lệ nông dân, người lao động nông thôn được đào tạo kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trực tuyến	$\geq 40\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		2.3. Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận 5 sao hoặc tương đương, còn thời hạn	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		2.4. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	
		2.5. Tỷ lệ cơ sở y tế trên địa bàn triển khai bệnh án điện tử và có bộ phận khám chữa bệnh từ xa	100%	Sở Y tế	
		2.6. Tỷ lệ trường học áp dụng quản lý, giảng dạy và học tập trên nền tảng số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	
		2.7. Tỷ lệ thôn/tổ dân phố có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông và có kết nối đồng bộ qua Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Bảo đảm an sinh xã hội; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	3.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn an toàn, tiện nghi và có giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả	$\geq 30\%$	Sở Xây dựng	
		3.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chí "5 không, 3 sạch, 3 an"	$\geq 65\%$	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Sở, ngành phụ trách	Ghi chú
		3.4. Có mô hình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, mô hình kinh tế do người trẻ, tri thức dẫn đầu; mô hình hỗ trợ sinh kế cho đối tượng yếu thế	≥ 01 mô hình	Tỉnh đoàn Thanh niên	
		3.5. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề (có bằng cấp, chứng chỉ) và bồi dưỡng kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường	$\geq 50\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo	
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	4.1. Xã được công nhận đạt chuẩn phát triển văn hoá toàn diện cấp xã	Đạt	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	
		4.2. Tỷ lệ thôn được công nhận "Thôn văn hoá"	100%		
5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	5.1. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 95\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		5.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 90\%$		
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	≥ 01 mô hình		
6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	6.1. Địa bàn không ma tuý	Đạt	Công an tỉnh	
		6.2. Tập thể công an xã được xếp loại danh hiệu thi đua "Đơn vị quyết thắng" trở lên	Đạt		